

**HTOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUỶ NGUYÊN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/DS-ST
Ngày: 29 - 9 - 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Khoa

Ông Hoàng Đức Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 73/2022/QĐST-DS, ngày 15 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Q; Địa chỉ trụ sở: Tầng 01 (tầng chệt) và tầng 02, Tòa nhà Sailing Tower, số 111A, Pasteus, phường Bến Nghé, Quận 01, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đình S – Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q (Văn bản ủy quyền, ngày 16 tháng 11 năm 2020); Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lưu Văn Q, sinh năm 1985 và chị Tống Thị H, sinh năm 1986; Địa chỉ nơi cư trú: Spa Thu H, số 596, lô 27, Đường 16, Khu đô thị H, phường H, quận H, thành phố H; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 5, xã H, huyện T, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần Q (tên viết tắt VIB) do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 18/7/2018 Ngân hàng TMCP Q – Chi nhánh H ký với ông Lưu Văn Q và bà Tống Thị H hợp đồng tín dụng số 443.HDDTD1.009.18 với nội dung: VIB cho ông Lưu Văn Q và bà Tống Thị H vay số tiền 700.000.000 đồng; mục đích vay vốn mua 01 xe ô tô nhãn hiệu For Transit biển kiểm soát: 15B – 035.23; mục đích sử dụng: kinh doanh; thời hạn vay: 84 tháng, từ ngày 19/7/2018 đến ngày 18/7/2025; lãi suất tại thời điểm giải ngân 9,39%/năm được áp dụng 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, sau đó điều chỉnh 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ bản theo quy định của VIB tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,09%/năm; trả nợ gốc hàng tháng ngày 25 mỗi tháng trả 8.333.000 đồng, tháng cuối cùng trả 8.361.000 đồng; trả nợ lãi hàng tháng vào ngày 25 ngày trả nợ đầu tiên ngày 25/8/2018. Ngày 18/7/2018 VIB đã giải ngân cho ông Lưu Văn Q và bà Tống Thị H theo đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 443.01/KUNN1.009.18 với số tiền là 700.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với hợp đồng tín dụng. Quá trình thực hiện hợp đồng ông Lưu Văn Q và bà Tống Thị H luôn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Vì vậy VIB đã chuyển khoản thành khoản nợ quá hạn từ ngày 25/3/2020, tính đến ngày 26/9/2022 ông Q, bà H còn nợ VIB tổng số tiền là: 295.561.970 đồng; trong đó nợ gốc là 180.029.000 đồng; nợ lãi là: 48.640.444 đồng; lãi quá hạn là 66.982.256 đồng. Sau khi phát sinh nợ quá hạn, VIB đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện cho ông Lưu Văn Q và bà Tống Thị H thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho VIB nhưng ông Q, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ việc làm trên của ông Q, bà H gây ảnh hưởng lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của VIB. Nay VIB khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Lưu Văn Q và bà Tống Thị H phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ khoản nợ gốc và lãi nói trên theo quy định tại hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết và đề nghị Tòa án tuyên ông Q, bà H phải tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn kể từ ngày 29/9/2022 cho đến khi ông Q, bà H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký.

Bị đơn là ông Lưu Văn Q và bà Tống Thị H nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 5, xã H, huyện T, thành phố H. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ xác định đến nay chị ông Q, bà H không còn cư trú tại địa chỉ nói trên nhưng cũng chưa đến chính quyền địa phương xin làm thủ tục cắt khẩu, chuyển khẩu đi nơi khác. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q cung cấp địa chỉ nơi cư trú mới của bị đơn là tại số 596, lô 27, Đường 16, Khu đô thị H, phường H, quận H, thành phố H. Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án,

giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho vợ chồng ông Q, bà H. Vợ chồng ông Q, bà H đã nhận và đã biết việc Ngân hàng có đơn khởi kiện tuy nhiên đến ngày mở phiên tòa ông Q, bà H vẫn vắng mặt không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa sơ thẩm hôm nay. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện cơ bản đúng, đầy đủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán, đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định về ra Thông báo thụ lý vụ án, bảo đảm về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc lập hồ sơ vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, việc giao nộp và yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ, xác minh, cấp tổng đạt và tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã đảm bảo tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng mua ô tô kinh doanh số 443.HDDTD1.009.18, ngày 18/7/2018, ngân hàng đã giải ngân cho anh Q, chị H số tiền 700.000.000 đồng mục đích để mua ô tô kinh doanh. Xét thấy hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Q và anh Lưu Văn Q, bà Tống Thị H là tự nguyện không bị ép buộc, tuân thủ đúng quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực pháp luật. Ngày 25/3/2020 anh Q, chị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng nên ngân hàng khởi kiện anh Q, chị H yêu cầu trả nợ tổng số tiền tính đến ngày xét xử là 295.888.047 đồng.

Quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn trình bày về việc Ngân hàng đã thu hồi chiếc xe ô tô Ford Transit BKS 15B – 035.23 và thực hiện việc bán đấu giá tài sản đối với chiếc xe trên. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn không xuất trình tài liệu liên quan đến hợp đồng thế chấp tài sản, thủ tục xử lý tài sản bảo đảm, không cung cấp được kết quả bán xe đã trừ vào nợ gốc của bị đơn là bao nhiêu tiền, không cung cấp được tài liệu thông báo kết quả xử lý tài sản cho bị đơn trong khi bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là làm ảnh hưởng đến việc giải quyết toàn diện vụ án, xâm phạm đến quyền và lợi ích của bị đơn.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị tạm ngừng phiên tòa để thu thập các tài liệu, chứng cứ làm rõ: Hợp đồng thế chấp tài sản là chiếc xe ô tô Ford Transit BKS 15B – 035.23, tài liệu liên quan đến thủ tục xử lý tài sản bảo đảm để xác định số tiền nợ gốc bị đơn đã trả cho nguyên đơn, tài liệu thông báo kết quả xử lý tài sản đảm bảo cho bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Bị đơn ông Lưu Văn Q và bà Tống Thị H nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 5, xã H, huyện T, thành phố H. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ xác định đến nay chị ông Q, bà H không còn cư trú tại địa chỉ nói trên nhưng cũng chưa đến chính quyền địa phương xin làm thủ tục cắt khẩu, chuyển khẩu đi nơi khác. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q cung cấp địa chỉ nơi cư trú mới của bị đơn là tại số 596, lô 27, Đường 16, Khu đô thị H, phường H, quận H, thành phố H. Trong vụ án này bị đơn ông Q, bà H thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc gắn với việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú, làm việc mới thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ giải quyết vụ án. Do đó Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, song đến ngày mở phiên tòa ông Q, bà H vắng mặt không có lý do, căn cứ Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Q, bà H.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp

Nguyên đơn Ngân hàng VIB và bị đơn ông Lưu Văn Q và bà Tống Thị H có quan hệ tín dụng với nhau thông qua hợp đồng tín dụng số 443.HDDTD1.009.18 với nội dung: VIB cho ông Lưu Văn Q và bà Tống Thị H vay số tiền 700.000.000 đồng; mục đích vay vốn mua 01 xe ô tô nhãn hiệu For Transit biển kiểm soát: 15B – 035.23; kinh doanh vận tải nhưng ông Q, bà H không có giấy phép đăng ký kinh doanh hộ gia đình cá thể, nên xác định đây là tranh chấp dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng

Căn cứ lời khai của các đương sự trong vụ án, cùng các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án và được xem xét công khai tại phiên tòa đủ căn cứ xác định:

Ngày 18/7/2018 Ngân hàng TMCP Q – Chi nhánh H quan hệ tín dụng với ông Lưu Văn Q và bà Tống Thị H thông qua hợp đồng tín dụng số 443.HDDTD1.009.18 với nội dung: VIB cho ông Lưu Văn Q và bà Tống Thị H vay số tiền 700.000.000 đồng; mục đích vay vốn mua 01 xe ô tô nhãn hiệu For Transit biển kiểm soát: 15B – 035.23; mục đích sử dụng: kinh doanh; thời hạn vay: 84 tháng, từ ngày 19/7/2018 đến ngày 18/7/2025; lãi suất tại thời điểm giải ngân 9,39%/năm được áp dụng 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, sau đó điều chỉnh 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ bản theo quy định của VIB tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,09%/năm; trả nợ gốc hàng tháng ngày 25 mỗi tháng trả 8.333.000 đồng, tháng cuối cùng trả 8.361.000 đồng; trả nợ lãi hàng tháng vào ngày 25 ngày trả nợ đầu tiên ngày 25/8/2018. Ngày 18/7/2018 VIB đã giải ngân cho ông Lưu Văn Q và bà Tống Thị H theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 443.01/KUNN1.009.18 với số tiền là 700.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với hợp đồng tín dụng. Quá trình thực hiện hợp đồng ông Lưu Văn Q và bà Tống Thị H luôn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Vì vậy VIB đã chuyển khoản thành khoản nợ quá hạn từ ngày 25/3/2020 sau nhiều lần đôn đốc làm việc và gửi thông báo thu hồi khoản nợ vợ chồng ông Q, bà H đều không hợp tác, đến ngày 04/5/2020 đại diện Ngân hàng VIB đã có biên bản làm việc với bà Tống Thị H, bà H trình bày tài sản bảo đảm là xe ô tô biển kiểm soát: 15B – 035.23 vợ chồng bà đã bán cho ông Vũ Văn Thức địa chỉ tại số 59 Lũng Bắc, Đằng Hải, quận Hải An, H với giá 700.000.0000 đồng theo giấy chuyển nhượng ngày 01/5/2019 nên vợ chồng Q, bà H xác định từ ngày 01/6/2019 ông Thức phải là người có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn VIB đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết buộc bị đơn vợ chồng ông Q, bà H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho VIB tổng số tiền gốc và lãi của hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 295.888.047 đồng, trong đó nợ gốc là: 180.029.000 đồng; lãi trong hạn là 48.640.444 đồng; lãi quá hạn là 67.218.603 đồng, đại diện Ngân hàng trình bày việc ông Q, bà H tự ý chuyển nhượng xe ô tô biển kiểm soát: 15B – 035.23 cho ông Vũ Văn Thức, Ngân hàng không được sự đồng ý của Ngân hàng nên Ngân hàng không biết và cũng không có văn bản, giấy tờ nào thể hiện việc Ngân hàng đồng ý ông Q, bà H chuyển nghĩa vụ thực hiện hợp đồng tín dụng cho ông Thức. Bị đơn ông Q, bà H trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, song đến ngày mở phiên tòa lần thứ 2 song bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có bất

kỳ văn bản, tài liệu, chứng cứ nào gửi đến Tòa án trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của VIB.

Hội đồng xét xử, xét tại thời điểm ký kết hợp đồng các bên tham gia ký kết hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, việc ký kết các hợp đồng tín dụng và Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay là hoàn toàn tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội. Trong quá trình thực hiện hợp đồng DongA Bank đã giải ngân đủ số tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký, ông Q, bà H đã ký nhận đủ số tiền vay. Như vậy VIB đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, việc ông Q, bà H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho VIB là vi phạm nghĩa vụ trả nợ do các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Q, bà H phải trả cho VIB toàn bộ số nợ gốc và lãi nói trên là phù hợp quy định tại các Điều 117, 274, 275, 463, 464, 465, 466, 467, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 90, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày sau khi ông Q, bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với vợ chồng ông Q, bà H yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông Q, bà H không thực hiện. Ngày 04/5/2020 đại diện Ngân hàng đã có biên bản làm việc với vợ ông Q (bà Tống Thị H) bà H trình bày đã bán cho ông Vũ Văn Thúc và chuyển nghĩa vụ trả nợ cho ông Thúc, nhưng Ngân hàng không đồng ý và sau nhiều lần làm việc không có kết quả Ngân hàng đã làm việc với (thời điểm cụ thể đã lâu và ông là người tiếp nhận lại hồ sơ nên không nhớ rõ) ông Q, bà H yêu cầu đã bàn giao tài sản cho Ngân hàng nhưng ông Q, bà H không tự nguyện đồng ý để ngân hàng thu hồi tài sản, Ngân hàng đã làm đầy đủ các thủ tục theo quy định ra Thông báo thỏa thuận ngày 26/5/2020; Thông báo thu hồi tài sản và Thông báo xử lý tài sản đảm bảo ngày 03/12/2020; Thông báo yêu cầu trả nợ ngày 14/5/2020 cho bị đơn và đã giao nộp cho Tòa án các Phiếu báo phát cho bị đơn tại thời điểm đó sau đó mới làm thủ tục thu hồi xe và bán xe và đã thông báo cho ông Q, bà H biết số tiền bán xe và dư nợ gốc, lãi còn lại nhưng kể từ đó cho đến nay ông Q, bà H cũng không có ý kiến gì, nay Ngân hàng khởi kiện cũng đã gửi các văn bản, thông báo về việc khởi kiện cho ông Q bà H biết nhưng ông Q bà H cũng không có ý kiến gì. Nay việc xử lý tài sản đã xong, Ngân hàng cũng không có yêu cầu xử lý gì đối với tài sản là xe ô tô nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo yêu cầu khởi kiện của ngân hàng buộc bị đơn ông Q, bà H phải trả số tiền gốc, lãi còn nợ Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Q, bà H Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai

chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, song đến ngày mở phiên tòa lần thứ 2 song bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có bất kỳ văn bản, tài liệu, chứng cứ nào gửi đến Tòa án trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của VIB và cũng không có bất kỳ, văn bản giấy tờ nào phản tố gửi đến Tòa án trình bày quan điểm về việc Ngân hàng thu hồi tài sản bảo đảm là xe ô tô BKS 15B – 035.23 là không đúng, không đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho ông bà. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn Ngân hàng cũng không có yêu cầu xem xét xử lý tuyên phát mại tài sản thế chấp, tuy nhiên do ông Q, bà H vắng mặt tại phiên tòa cho nên để đảm bảo quyền lợi cho ông Q, bà H trong việc ngân hàng thu hồi xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô biển kiểm sát 15B – 035.23, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này nếu sau này ông Q, bà H có tranh chấp với Ngân hàng về việc xử lý tài sản đảm bảo sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi ông Q, bà H có đơn yêu cầu gửi đến Tòa án.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Lưu Văn Q, bà Tống Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, Điều 26, 35, 39, 91, 92, 96, 147 và Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 117, 274, 275, 463, 464, 465, 466, 467, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 90, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q buộc bị đơn ông Lưu Văn Q và bà Tống Thị H phải có trách nhiệm trả nợ toàn bộ khoản nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 295.888.047 đồng, trong đó nợ gốc là: 180.029.000 đồng; lãi trong hạn là 48.640.444 đồng; lãi quá hạn là 67.218.603 đồng trong đó nợ gốc là tại hợp đồng tín dụng số 443.HĐTD1.009.18 và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 443.01/KUNN1.009.18 ngày 18/7/2018.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Lưu Văn Q, bà Tống Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay

thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Bị đơn ông Lưu Văn Q, bà Tống Thị H phải nộp 14.795.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 7.000.000 đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008040, ngày 22/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố H.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đức Khoa Hoàng Đức Cảnh

Đinh Thị Mến

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên
- TAND TP H;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mến

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên
- TAND TP H;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mến

